

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 5 – 2022
V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con
giữa bà V với ông S”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Ngọc Hân.
2. Bà Phan Thị Hồng Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát Viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 477/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về Việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thúy V, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: 399/1, khóm Mỹ Thọ, phường MQ, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: tổ 15, khóm Tây Khánh 3, phường MH, thành phố L, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn bà Bùi Thị Thúy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng do quen biết, tiến tới hôn nhân năm 2011 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Quốc Trung, sinh ngày 24/11/2012, hiện cháu Trung đang chung sống với bà V, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn S vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Thúy V và ông Trần Văn S.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Quốc Trung, sinh ngày 24/11/2012 cho bà Bùi Thị Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị Thúy V không yêu cầu ông Trần Văn S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của bà V; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Trung; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của ông Trần Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông S bắt đầu chung sống từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà V yêu cầu ly hôn ông S. Ông S không trình bày ý kiến.

Xét, quan hệ hôn nhân của bà V và ông S, Hội đồng xét xử nhận định: Bà V và ông S chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 cho đến nay, thể hiện ông bà đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu ly hôn với ông S là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V. Do ông bà không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của ông bà.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông S có 01 con chung tên Bùi Quốc Trung, sinh ngày 24/11/2012, hiện cháu Trung đang chung sống với bà V, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trung.

Xét, khi ly thân cháu Trung sinh sống với ông S nhưng bà V vẫn thường xuyên chăm sóc, nuôi dạy cháu Trung và chở cháu Trung đi học, hiện nay cháu Trung đang do bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dạy. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trung, cháu Trung cũng có nguyện vọng được

chung sống với bà, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trung cho bà V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Bùi Thị Thúy V cùng các thành Viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Văn S trong Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị Thúy V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000694 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Thúy V và ông Trần Văn S.

2. Về con chung:

2.1. Bà Bùi Thị Thúy V và ông Trần Văn S có 01 con chung tên Bùi Quốc Trung, sinh ngày 24/11/2012, hiện cháu Trung đang chung sống với bà V.

2.2. Giao cháu Bùi Quốc Trung, sinh ngày 24/11/2012 cho bà Bùi Thị Thúy V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Bùi Thị Thúy V cùng các thành Viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Văn S trong Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị Thúy V không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị Thúy V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000694 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Ngọc Hân Phan Thị Hồng Thảo

Lê Thị Hồng Thi

